|  |  |
| --- | --- |
| **Ngày soạn:**  **Ngày dạy:** |  |

**Tiết 92: §16. TÌM TỈ SỐ CỦA HAI SỐ**

**I. MỤC TIÊU:** Qua bài này giúp học sinh:

**1. Kiến thức:** HS hiểu được ý nghĩa và biết cách tìm tỉ số của hai số, tỉ số phần trăm, tỉ lệ xích.

**2. Kỹ năng:**

HS tìm được tỉ số của hai số, tỉ số phần trăm, tỉ lệ xích.

**3. Thái độ:**

**-**  HS có thái độ tích cực, tự giác, chủ động trong tiết học.

- HS thấy được sự gần gũi giữa toán học và thực tiễn, từ đó thêm yêu thích môn học.

**4. Định hướng năng lực và phẩm chất:**

***- Năng lực*: +** Năng lực chung: năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực sử dụng ngôn ngữ.

+ Năng lực chuyên biệt: năng lực tính toán, tư duy logic.

***- Phẩm chất:*** Tự tin, tự chủ.

**II. CHUẨN BỊ CỦA GV VÀ HS:**

**1. Giáo viên**: Giáo án, SGV, SGK, phấn màu.

**2. Học sinh**: SGK, máy tính bỏ túi, đọc trước bài, đồ dùng học tập.

**III. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC TRỌNG TÂM DẠY HỌC TRỌNG TÂM:**

Nêu và giải quyết vấn đề, vấn đáp, dạy học hợp tác theo nhóm nhỏ.

**IV. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC CHỦ YẾU:**

**1 . Ổn định lớp: Kiểm tra sĩ số:**

**2 . Bài dạy:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | | **Hoạt động của HS** | **Nội dung kiến thức cần đạt** | | |
| **Hoạt động1: Tỉ số của hai số (10’)**  **Mục tiêu:** Học sinh phát biểu được định nghĩa thế nào là tỉ số của hai số, biết kí hiệu và hiểu được ví dụ thực tế của tỉ số hai số.  **Phương pháp dạy học:** Gợi mở vấn đáp, thuyết minh, đàm thoại.  **Định hướng phát triển năng lực:**  Năng lực tư duy, năng lực nhận thức, năng lực khái quát hóa. | | | | | |
| Ví dụ: Một hình chữ nhật có chiều rộng 3m, chiều dài 4m. tìm tỉ số giữa số đo chiều rộng và số đo chiều dài của hình chữ nhật đó.  ? Vậy tỉ số giữa hai số a và b là gì?  GV đưa ra kí hiệu .  ? Hãy lấy ví dụ về tỉ số.  ?Vậy tỉ số  khác phân số  như thế nào?  Ví dụ:  Đoạn thẳng AB dài 20cm đoạn thẳng CD dài 1m. Tìm tỉ số độ dài của đoạn thẳng AB và đoạn thẳng CD. | | -Tỉ số giữa số đo chiều rộng và số đo chiều dài là:  3 : 4 =  = 0,75  - Tỉ số giữa hai số a và b (b 0) là thương trong phép chia số a cho số b.  - Hs lấy một số ví dụ về tỉ số.  Tỉ số  (b 0) thì a và b có thể là các số nguyên, có thể là phân số, số thập phân, hỗn số… còn phân số  (b 0) thì a và b phải là các số nguyên.  HS thực hiện đổi hai đoạn thẳng ra cùng đơn vị và tìm tỉ số . | | **1. Tỉ số của hai số.**  \* ĐN: Thương trong phép chia số a cho số b (b  0) gọi là tỉ số của a và b.  \* Kí hiệu : a:b hoặc  \* Ví dụ:  1,7 : 3,12; …là các tỉ số.  \* Ví dụ:  AB = 20cm  CD = 1m = 100cm  Tỉ số độ dài của đoạn thẳng AB và đoạn thẳng CD là: | |
| **Hoạt động 2: Tỉ số phần trăm(10')**  **Mục tiêu:** Học sinh phát biểu được quy tắc tìm tỉ số phần trăm của hai số, áp dụng vào bài tập cụ thể..  **Phương pháp dạy học:** Gợi mở vấn đáp, thuyết minh, đàm thoại.  **Định hướng phát triển năng lực:**  Năng lực tư duy, năng lực nhận thức, năng lực khái quát hóa. | | | | | |
| \* GV: Trong thực hành, ta thường dùng tỉ số dưới dạng tỉ số phần trăm với kí hiệu % thay cho  ? Ở tiểu học để tìm tỉ số phần trăm của hai số ta làm thế nào?  Áp dụng :  \* Ví dụ: Tìm tỉ số phần trăm của hai số: 78,1 và 25  \* GV ghi lại bài giải. | | \* Để tìm tỉ số phần trăm của hai số ta cần tìm thương của hai số rồi nhân thương đó với 100 và viết thêm kí hiệu % vào kết quả.  \* HS nêu cách giải | | **2. Tỉ số phần trăm.**  **\***Qui tắc : (SGK)  \* Ví dụ: Tỉ số phần trăm của hai số 78,1 và 25 là:    = | |
| \* GV yêu cầu HS làm ?1 SGK  Tìm tỉ số phần trăm của :   1. 5 và 8   b) 25kg và  tạ. | | \* HS nêu cách giải  a)  b) Đổi  tạ = 0,3 tạ = 30 kg | | ?1. Tìm tỉ số phần trăm của  a)  b) Đổi  tạ = 0,3 tạ = 30 kg | |
| **Hoạt động 3: Tỉ lệ xích (10’)**  **Mục tiêu:** Học sinh phát biểu được công thức của tỉ lệ xích, hiểu được các kí hiệu trong công thức, áp dụng vào bài tập cụ thể.  **Phương pháp dạy học:** Gợi mở vấn đáp, thuyết minh, đàm thoại.  **Định hướng phát triển năng lực:**  Năng lực tư duy, năng lực nhận thức, năng lực khái quát hóa. | | | | | |
| \* GV giới thiệu khái niệm tỉ lệ xích của một bản vẽ (bản đồ)  Kí hiệu : T là tỉ lệ xích  a: Khoảng cách giữa 2 điểm trên bản vẽ  b: Khoảng cách giữa hai điểm tương ứng trên thực tế.  T =  (a, b cùng đơn vị đo)  \*GV gọi một HS đọc ví dụ SGK và giải thích .  HS làm ?2 | | HS nghe và ghi bài.  a = 1cm  b = 1km = 100 000 cm  T = =  \* Một HS lên bảng làm ?2 | **3. Tỉ lệ xích**  Kí hiệu : T là tỉ lệ xích  a: Khoảng cách giữa 2 điểm trên bản vẽ  b: Khoảng cách giữa hai điểm tương ứng trên thực tế.  T =  (a, b cùng đơn vị đo)  ?2  a = 16,2 cm  b = 1620 km = 162000000 cm  T = | | |
| **Hoạt động 4. Củng cố (10’)**  **Mục tiêu:** Học sinh luyện tập củng cố về tỉ số, tỉ số phần trăm.  **Phương pháp dạy học:** Gợi mở vấn đáp, thuyết minh, đàm thoại.  **Định hướng phát triển năng lực:**  Năng lực tư duy, năng lực nhận thức, năng lực khái quát hóa. | | | | | |
| ? Thế nào là tỉ số giữa hai số a và b (b 0) ?  ? Nêu qui tắc chuyển từ tỉ số  sang tỉ số phần trăm.  - Cho HS làm bài tập: Biến đổi tỉ số giữa 2 số về tỉ số của 2 số nguyên:  Bài tập 4: Lớp 6 B có 40 HS. Kết quả khảo sát Toán đầu năm có 14 em dưới trung bình.  a) Tính tỉ số % kết quả khảo sát Toán từ trung bình trở lên.  b) Em có suy nghĩ gì về kết quả trên? | | HS phát biểu lại như SGK  HS làm bài tập: Biến đổi tỉ số giữa 2 số về tỉ số của 2 số nguyên:    HS: Số HS lớp 6 B có điểm khảo sát Toán từ trung bình trở lên là:  40 – 14 = 26 (hs)  Tỉ số % kết quả khảo sát Toán từ trung bình trở lên | Bài tập: Biến đổi tỉ số giữa 2 số về tỉ số của 2 số nguyên:    Bài tập 4:  a) Số HS lớp 6 B có điểm khảo sát Toán từ tr/bình trở lên là:  40 – 14 = 26 (HS)  Tỉ số % kết quả khảo sát Toán từ trung bình trở lên là:    b) Kết quả này còn thấp. | | |
| **Hướng dẫn học và chuẩn bị bài (2’)** | | | | | |
| -Giáo viên hướng dẫn học sinh phần chuẩn bị bài. | \_Học sinh ghi chép vào trong vở. | | | | - Cần phát biểu được khái niệm tỉ số của hai số a và b phân biệt với phân số, khái niệm tỉ lệ xích của 1 bản vẽ hoặc 1 bản đồ, qui tắc tính tỉ số phần trăm của hai số a và b.  - BTVN: 138, 141, 143, 144, 145 SGK |

**V. RÚT KINH NGHIỆM SAU BÀI DẠY**